

Sài Gòn Khởi Dựng

Từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh, các chúa Nguyễn đã biết về vùng đất ở Đồng Nai và Cửu long thuộc về nước Chân Lạp (Cao miên), nhưng vì còn bận việc chiến tranh với họ Trịnh và chưa có dịp thuận tiện để đẩy mạnh cuộc phát triển về phương nam.

Vùng đất này phì nhiêu không được người Cao miên khai phá, khẩn hoang nhưng có nhiều tiềm lực. Về sự trù phú, phì nhiêu của xứ Đàng Trong, Lê Quý Đôn viết trong Phủ Biên Tạp Lục: *"...Những sản vật quý phần nhiều xuất từ miền Nam... Xứ Quảng (kể cả Gia Định) là đất phì nhiêu nhất thiên hạ... Ở phủ Thăng Hoa, phủ Điện Bàn đồng ruộng rộng rãi, lúa tốt... Ba phủ Quy Nhơn, Quảng Nghĩa, Gia Định lúa gạo phần nhiều không kể xiết... ở Gia Định giá lúa rẻ chưa nơi nào như thế. Gạo nếp, gạo tẻ đều trắng trẻo, tôm cá rất to, ăn không hết...[1]*

Trong thời chúa Nguyễn, nước Chân-lạp ở vào quãng dưới sông Cửu Long, có lắm sông nhiều ngòi, ruộng đất thì nhiều mà nước Nam thường hay mất mùa, dân-tình phải đói khổ luôn, và lại vào lúc chúa Nguyễn, chúa Trịnh đánh nhau, cho nên nhiều người bỏ vào khẩn đất, làm ruộng ở Mô-xoài (Bà-ri-a) và ở Đồng-nai (Biên-hòa).

Nước Cao Miên suy yếu, thường có nội loạn cho nên các nước láng giềng là Đại Việt và Xiêm La (Thái Lan) đều có ý xâm chiếm. Nước Xiêm La trở nên hùng mạnh và muốn thôn tính vùng Mã Lai, Lào và Chân Lạp và là đối thủ của Đại Việt.

Sau cuộc hôn nhân giữa công nữ Ngọc Vạn với vua Chân Lạp Chey Chetta II từ năm 1620, vua Cao Miên mới cho phép người Việt di dân vào Nam Bộ. Người Việt bắt đầu định cư ở vùng Sài Gòn, Đồng Nai. Trước đó, người Chăm, người Miên cũng sinh sống rải rác ở đây từ xa xưa.

Năm 1623, chúa Nguyễn sai một phái bộ tới yêu cầu vua Chey Chettha II cho lập đồn thu thuế tại Prei Nokor (Sài Gòn) và Kas Krobei (Bến Nghé). Tuy đây là vùng rừng rậm hoang sơ nhưng lại nằm trên đường giao thông của các thương nhân Việt Nam qua Campuchia và Xiêm. Hai sự kiện quan trọng tiếp theo của thời kỳ này là lập doanh trại và dinh thự của Phó vương Nặc Nộn và lập đồn dinh ở Tân Mỹ (gần ngã tư Cống Quỳnh -Nguyễn Trãi).

Sách Gia Định thành thông chí chép: *"Năm Mậu tuất (1658)...vua (chúa Nguyễn Phúc Tần) sai Phó tướng Yến Vũ hầu (Nguyễn Phước Yến)...đem 2000 quân, đi tuần đến thành Mối Xoài nước Cao Miên, đánh phá được, bắt vua nước ấy là Nặc Ông Chân, đóng gông đem đến hành tại ở dinh Quảng Bình. Vua dụ tha tội...Khi ấy địa đầu trấn Gia Định là hai xứ Mối Xoài, Đồng Nai đã có dân lưu tán của nước ta cùng ở lẫn với người Cao Mên, để khai khẩn đất".[2]*

Năm 1674, Nặc Ong Đài đánh đuổi vua Nặc Ong Nộn. Nộn chạy sang cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa liền sai thống suất Nguyễn Dương Lâm đem binh đi tiến thảo, thu phục luôn 3 lũy Sài Gòn, Gò Bích và Nam Vang (lần đầu tiên có từ Sài Gòn). Ong Đài thua chạy rồi tử trận. Chúa Nguyễn phong cho Nặc Ong Thu làm Cao Miên quốc vương đóng đô ở U Đông, cho Nặc Ong Nộn làm phó vương đóng đô ở Sài Gòn bắt hằng năm phải triều cống.

Năm 1679 có các cựu thần nhà Minh là Dương ngạn Địch, Hoàng Tiến Trần Thượng Xuyên, Trần an Bình, không chịu thần phục nhà Thanh, đem 3.000 quân cùng 50 chiếc thuyền sang xin ở làm dân Việt-nam. Chúa Hiền nhân muốn khai-khẩn đất Chân-lạp, bèn cho họ vào ở đất Đông-phố (đất Gia-định). Bọn Ngạn Địch chia nhau ở đất Lộc-dã (Đồng-nai, Biên-hòa), ở Mỹ-tho (Định-tường), ở Ban-lân (Biên-hòa) rồi cày ruộng làm nhà lập ra phố phường, lại có người phương tây, người Nhật-bản, người Chà Và đến buôn bán đông lắm.

Năm 1688, Mỹ-tho làm loạn. Hoàng Tiến giết Dương ngạn Địch, rồi đóng đồn để chống nhau với người Chân-lạp. Vua Chân-lạp là Nặc ông Thu cũng đào hào đắp lũy để cố thủ và không chịu thần phục chúa Nguyễn nữa. Chúa Nguyễn-Phúc Trấn sai quan đem quân đi đánh dẹp, giết được Hoàng Tiến và bắt vua Chân-lạp phải theo lệ triều-cống. Sau khi vua Lục Chân Lạp ở Gò Bích xin hoà, quân đội Đại nam đóng đồn lập trại ở Bến ghé gọi là *đồn dinh*. Sách Đại nam nhất thống chí chép rằng đồn này là xóm Tân Mỹ.[3]

Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu đã sai Thống suất Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý miền Nam. Để chấm dứt tình trạng lưu dân tự khẩn hoang lập ấp đó, Nguyễn Hữu Cảnh bèn lập phủ Gia Định để coi hai huyện: Phước Long (Biên Hòa) và Tân Bình (Sài Gòn). Diện tích rộng khoảng 30.000 km². Các nơi đều đặt quan lưu giữ. Mở đất ngàn dặm, được trên 4 vạn hộ. Chiêu mộ dân xiêu tán từ Bồ Chánh trở vào Nam cho đến ở, thành lập xã thôn, khai khẩn ruộng đồng, làm sổ đinh, sổ điền. Lại lấy những lái buôn người Hoa sống ở Trấn Biên lập nên xã Thanh Hà, những người ở Phiên Trấn lập nên xã Minh Hương. Trịnh Hoài Đức ghi lại như sau: “*Lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên; lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh đặt chức lưu thủ, cai bộ và ký lục để cai trị*”. [2]

Nguyễn Hữu Cảnh đã chính thức thành lập chủ quyền Đại Việt trên vùng đất mới. Tên gọi Gia Định lúc đầu chỉ mới là một phủ bao gồm cả Sài Gòn. Phủ lý Gia Định được đặt tại thôn Tân Khai (khu vực đường Hàm Nghi, Nguyễn Trung Trực) còn gọi là Bến Nghé. Bến Nghé đương thời ở cạnh bờ sông là nơi trên bến dưới thuyền tấp nập, vô số thuyền bè lớn nhỏ chuyên chở theo đường sông rạch hay cận duyên mang hàng hóa nội địa đến buôn bán, tạo thành thương cảng rất lớn.

Những xóm làng đầu tiên của Sài Gòn là xóm Hòa Mỹ (xóm Thủy Trại, đường Tôn Đức Thắng), Tân Khai (cầu Mống), Long Điền, xóm Than, Bàu Sen (Cây Mai), Lò Bún, Cây Cùi, Rẫy Cải, Ụ Ghe... Sài Gòn trở thành một thị trấn đông đúc với hơn một vạn dân và là thủ phủ của dinh Phiên Trấn. Thanh Hà là xã đầu tiên của người Hoa ở vùng Đồng Nai và Minh hương là xã đầu tiên của người Hoa tại Tân Bình.

Từ một đồn lũy kém quan trọng gọi là Đồn Dinh, Sài Gòn lần hồi trở thành trung tâm thương mại, sau khi quân Tây Sơn kéo vào Nam đốt phá thương cảng quan trọng nhất là Cù lao Phố (Biên Hòa). Người Hoa di tản đến vùng Chợ Lớn ngày nay lập nghiệp, rồi quân Tây Sơn lại đốt phá. Sau đó Chợ Lớn được khôi phục thành trung tâm buôn bán lúa gạo và hàng hóa tiêu dùng.[4]

Sài Gòn và Chợ Lớn gắn liền với nhau bằng con đường cái quan, Chợ Lớn là kho hàng, Sài Gòn là nơi tập trung cơ quan hành chính, quân sự và nhà cửa của quan lại.

Năm 1708, Mạc Cửu là cựu thần nhà Minh sang trú ở Đại Việt, xin dâng trấn Hà Tiên thuộc quyền chúa Nguyễn. Đến năm 1732, chúa Nguyễn cho lập châu Định Viễn và cho dựng dinh Long Hồ (sau là Vĩnh Long). Đến năm 1757, chúa Nguyễn cho lập các đạo Đông Khẩu, Tân Châu, Châu Đốc. Từ đó tất cả miền Nam thuộc về người Việt.

Năm 1778, Nguyễn Ánh cho đắp lũy đất từ bờ sông Sài Gòn đến kinh Tàu Hủ ngày nay, các vàm rạch lớn nhỏ đều cắm chông, nọc, các đường thủy, bộ đều bị phong tỏa. Trịnh Hoài Đức mô tả cảnh sống của nhân dân Gia Định vào thời kỳ này như sau: *"Từ lúc cầu binh vào tháng 10 năm trước, đến tháng 6 năm này (1778) đường thủy lục bị trở ngại, đồ thực dụng trong dân gian đều kiệt ráo, không tiếp tế nhau được. Trong chợ chỉ bán mắm ếch (hay mắm nhái), bánh đậu bà tương dùng lá dâu, lá khế làm trà uống, rễ cây bồ quỳ, cây trà la (hay chà là) để thế cho cau... Ngoài ra, những việc nhũng lạp, giả trá, di dịch, không kể xiết được. Khi ấy một chén nhỏ muối xấu nặng ước 3 lượng, bán giá năm tiền, nhưng cũng không có được nhiều, vậy nên người ta đều giấu muối ở trong lưng như bọc vật quý vậy. Còn một vuông gạo giá tiền đến 2 quan, quan và dân đều khổ cả". Vào thời kỳ này, nhóm người Hoa ở Cù lao Phố (Biên Hòa), để tránh những cuộc giao tranh, đã ngược sông Tân Bình (sông Sài Gòn) kéo về tụ tập ở Sài Gòn lập ra khu Đề Ngạn (Chợ Lớn).*

Năm 1788, khi quân Tây Sơn đang bận việc bình định Bắc Hà và đánh quân Thanh, Nguyễn Ánh chiếm được Sài Gòn, định đô nơi đây gọi là Gia Định kinh. Chính sử triều Nguyễn ghi chép như sau: Ngày Kỷ Sửu, tháng 3 năm 1790, đắp thành đất Gia Định. Vua thấy thành cũ ở thôn Tân Khai chật hẹp, bèn mở rộng thêm. Dụ rằng: *"Vương công giữ nước, tất phải đặt nơi hiểm yếu trước. Nay đất Gia Định mới thu phục, cần sửa thành trì cho bền vững để chỗ dựa được vững mạnh"*.

Nguyễn Ánh thấy lũy đất được dựng lên bởi tướng Tôn Thất Hội tuy vững chắc và rộng lớn nhưng vẫn chưa đủ sức để bảo vệ Gia Định nên giao cho Trần Văn Học và hai sĩ quan Pháp là Puymanel, Le Brun xây thành Bát quái phòng thủ theo kiểu Vauban của Pháp.

Tướng Trần Văn Học đảm nhiệm việc phác họa đường sá và phân khu phố phường đường trong thành. Năm 1790 thành Gia Định được xây dựng, sau 2 năm đã xây dựng đến đất Mỹ Tho ... Trong thành Gia Định có các cơ sở như: xưởng Chế Tạo, kho Bạc, kho Đồn Điền, Trại súng, kho thuốc súng. Bên ngoài có các công trình kiến trúc như: xưởng Chu Sư (xưởng Ba son), xưởng Voi, trường thuốc súng, khám đường, Sứ quán, học đường. kho bốn trấn được xây dựng trên nền cũ của kho quản thảo, trường diễn võ. Le Brun vẽ bản đồ Gia Định kinh với thành bát quái còn gọi là bản đồ Sài Gòn năm 1795.

Sau khi thống nhất sơn hà, Nguyễn Ánh lên làm vua là Gia Long và đóng đô ở Huế. Năm Nhâm Tuất (1802), phủ Gia Định được vua Gia Long cho đổi tên thành trấn Gia Định, các dinh được đổi thành các trấn Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên.

Trần Văn Học vẽ một bản đồ của thành Gia Định đề ngày 4/12/1815 trình lên vua Gia Long. Thành này bao gồm phố Bến Nghé (Quận 1) và phố Sài Gòn (Quận 5) làm tiêu chuẩn cho việc đô thị hoá thành phố Sài Gòn sau này.

Theo Pétrus Ký thì: Trước khi có thành, ở đất Gia Định chỉ có đồn Dinh, lũy Hoa Phong, sau có lũy Bán Bích. Thành này được gọi là thành Quy, xây theo kiểu thành Vauban của Pháp. Tường thành cao 5m20. Trung tâm thành là cột cờ và hành cung, ở vị trí gần nơi ngày nay là nhà thờ đức bà...

Sau đó ông tả Sài Gòn thời Lê Văn Duyệt làm tổng trấn Gia Định thành (1812-1815 và 1820-1832) như sau:

...Lê Văn Duyệt ở cung Hoàng cung, vị trí của cung này là đường Norodom (nay là Lê Duẩn), phía ngoài thành Gia Định. Vòng ngoài thành, vua Gia Long cũng có xây một ngôi nhà cho giám mục Pigneau de Béhaine (gọi là Evêque d'Adran tức Bá Đa Lộc hay cha Cả) trên đường sau này gọi là rue Richaud (đường Nguyễn Đình Chiểu ngày nay) để trả ơn cho sự giúp đỡ của ông này trong lúc còn chiến tranh với Tây Sơn. Ngày nay vị trí tòa nhà này là Tòa Tổng Giám mục. Nhà của ông giám mục Bá Đa Lộc trước đó ở cạnh thành Saigon, vị trí ngày nay là trong khuôn viên sở thú gần viện bảo tàng...

Từ tường của thành Saigon xuống đến bến sông Saigon tức là từ đường Espagne (Lê Thánh Tôn) xuống bến Bạch Đằng là một phần chính của thành phố thương mại xưa của người Việt gồm một số nhà, cửa tiệm xen kẽ với các đường hẻm ít được bảo trì nằm trong địa phận của bốn làng từ cửa rạch Thị Nghè (arroyo de l'Avalanche) đến rạch Bến Nghé (arroyo chinois): làng Hòa Mĩ (nơi xưởng Ba son), làng Tân Khai, Long Điền và Trường Hòa, mà giới hạn là đường Mac Mahon (Nam Kỳ Khởi Nghĩa).

Làng Mĩ Hội bao gồm thành Saigon trở lên trên. Thời kỳ này thì lý trưởng của làng này là một trong những lý trưởng quan trọng nhất của thành phố, ông ta có quyền đội nón hình trái bí và có quyền hành chính như huyện trưởng (canton). Làng có xây một đình, một chùa hay một nhà họp và nhà vua có gởi người mang ấn chiểu trên một khâm vàng, năm dây vải thắt (ligatures) và các tặng phẩm để khai trương các tòa nhà này. Khu này gọi là Hàng đình nằm ở phía trên đường Catinat, từ cạnh khách sạn Laval cho đến chỗ ở của giám đốc nội vụ. Ở tòa đô chính Saigon, có một kênh băng qua ống cống trên cầu gọi là "Cống cầu dẫu".

Dọc theo bờ sông Saigon phủ đầy các nhà sàn dựng trên cột sông. Ở cuối đường Catinat nơi bến phà Thủ Thiêm có một nhà "Thủy các" (kiosk hoàng gia), nhà tắm "lương tạ" cho vua được xây trên những bè nổi làm bằng tre.

Người ta gọi chỗ này là Bến ngự (Kompong Luong theo tiếng Khmer), tức bến của vua. Từ cửa rạch Thị Nghè đến đường thành Saigon là các xưởng đóng tàu và các thuyền hải quân. Từ bờ chạy ra sông có một bến gọi là "Cầu gọ" hay "Cầu quan".

Trước khi đến pháo đài trước thành Saigon là một rạch nhỏ gọi là Kinh Cây Cám, kinh này lên đến tận đường Lê Thánh Tôn (rue d'Espagne), băng qua pháo đài đến thành. Kênh chợ Saigon là Kinh chợ vải, chạy lên đến tận giếng nước cùng tên, đối diện với nhà của ông Brun, người làm và bán yên ngựa.[5]

Năm 1832, vua Minh Mạng sau khi dẹp loạn Lê Văn Khôi, cho phá hủy thành Bát quái và vào năm 1837 cho xây lại thành Phụng nhỏ hơn, nhà vua cho đổi trấn thành tỉnh thuộc trung ương |Huế.

Từ năm 1834, đất Gia Định thành được gọi là Nam kỳ, gồm 6 tỉnh, vì vậy còn được gọi là *Nam kỳ lục tỉnh*.

Trước khi người Pháp đến, địa hình của Sài Gòn gồm một vùng cao ở phía Bắc, trải dài từ vùng lũy thành Sài Gòn đến vùng Mả Ngụy, nơi cư dân hầu hết là các nhà phú hộ ở là đồng ruộng, ao đìa. Cư dân nghèo sống chen chúc dọc theo rạch Bến Nghé trong các căn nhà nhỏ nửa đất nửa sà. Giao thông trên bộ thời bấy giờ chủ yếu một số lộ đất nhỏ được đắp cao lên vừa quá mức nước lớn.

Năm 1859, sau khi chiếm được thành Gia Định, quân Pháp đốt cháy kho tàng, phá hủy thành Gia Định và rút ra để tránh quân triều đình nhà Nguyễn tấn công đánh chiếm lại thành. Đề đốc Jauriguiberry giữ chức thống đốc thành Sài Gòn, người Pháp xây dựng một nhà tạm làm dinh đề đốc, một đường đường cho binh lính, một nhà thờ, và một nhà in để in thông cáo và sách vở. Các cơ sở này được dựng lên trong vùng gần nhà thương Đồn Đất.

Thực dân Pháp đã quy hoạch lại Sài Gòn thành một đô thị lớn nhằm phục vụ mục đích khai thác thuộc địa và làm nơi cư trú cho quan chức Pháp và đã quyết định thành lập hải cảng Sài Gòn từ năm 1860 cho thương mại và tàu chiến.

Người Pháp cho sửa sang đường sá, mở rộng và cao ráo, các dinh thự bằng gỗ được dựng lên ở khu chung quanh Ngân hàng quốc gia ngày nay Banque de Indochine cũ.[6]

Ngày 11/4/1861, đô đốc Charner ký nghị định xác định địa giới thành phố Sài Gòn gồm phía đông là sông Sài Gòn, phía bắc là rạch Thị Nghè, phía nam là rạch Bến Nghé, phía tây từ chùa Cây Mai đến đôn Kỳ Hòa, diện tích khoảng 25km² theo địa giới quy hoạch của Nguyễn Cửu Đàm năm 1772. Năm 1862, sĩ quan Pháp là Coffyn lập một dự án quy hoạch mang tên ông là dự án “Thành phố Sài Gòn với 500.000 dân”. Nhưng đến 1864, nhận thấy diện tích dự trù của thành phố quá rộng, khó bảo đảm về an ninh, đô đốc Rose quyết định tách Chợ Lớn khỏi Sài Gòn. Theo quy hoạch ngày 3/10/1865, thì Sài Gòn chỉ còn là khu vực rộng khoảng 3 km², giới hạn bởi rạch Thị Nghè, sông Sài Gòn, rạch Bến Nghé và khu Cầu Ông Lãnh. Pháp xây dựng nên hai thành phố riêng biệt, Sài Gòn và Chợ Lớn, cách nhau bởi một số ruộng bưng, ao đầm ở vùng Chợ Quán.

Vùng đất Sài Gòn lúc đó là vùng đất trũng, có nhiều kinh rạch cho nên khi Pháp chọn Sài Gòn làm trung tâm hành chính, thương mại, mở mang phố chợ thì phải đào lấp các kinh rạch này. Trước tiên họ cho đào nhiều kinh ở các chỗ trũng thuộc vùng thấp của thành phố vừa để tạo điều kiện cho ghe thuyền lưu thông thuận lợi, vừa có tác dụng tháo nước của các vùng đầm lầy đồng thời lấy đất lấp các vùng trũng khác. Khi các công trình đầu tiên được xây dựng trên những khu vực vừa được san lấp, người Pháp cho san bằng vùng đồi phía Bắc Sài Gòn, lấy đất lấp các con kinh đào.

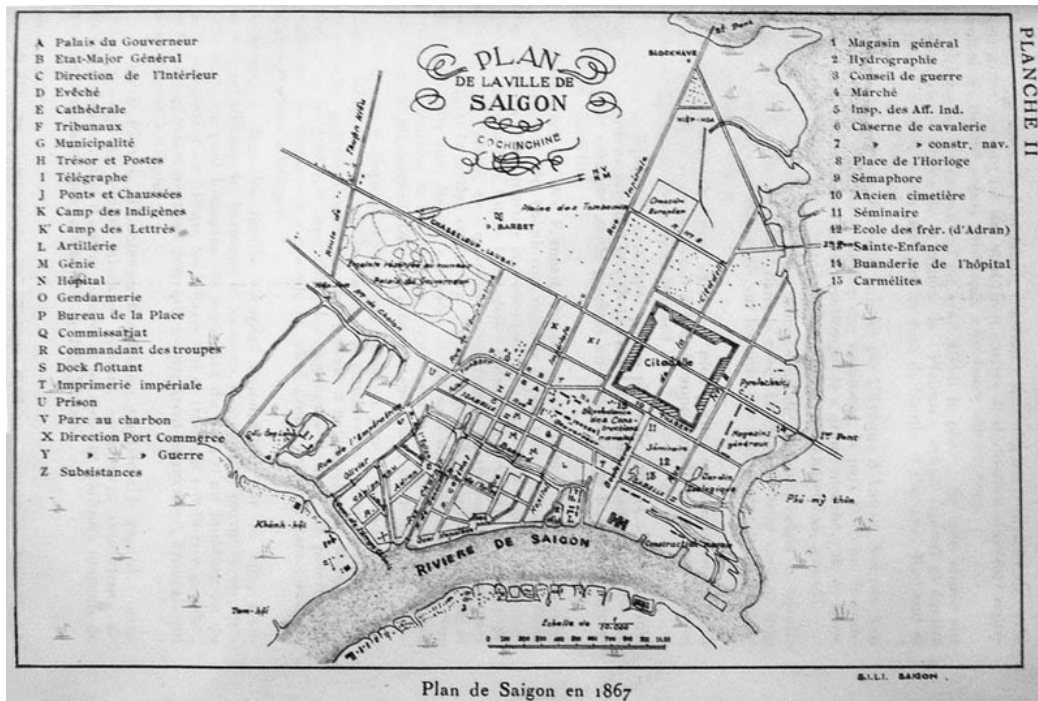
Sau hai năm xây dựng bộ mặt Sài Gòn đã thay đổi hẳn. Các vùng trũng đầm lầy, những đường mòn được thay bằng những con đường nhựa phẳng rộng thoáng, hai bên có trồng cây xanh.

Năm 1862, đô đốc Bonard thực hiện phân lô vùng Bến Nghé thành nhiều khoảnh và bán với giá rẻ cho dân chúng.

Thành phố Sài Gòn khi đó được thiết kế theo kiểu Pháp, các công thự cần thiết cho việc cai trị của thành phố được dựng lên nhanh chóng, như dinh Thống đốc (dinh Gia-long 1864), Dinh Toàn quyền (Hội trường Thống Nhất, 1873) , dinh Thượng thư (sở nội vụ, 1864), Xã Tây (toà đô chính, 1898), Nhà hát Tây (Quốc hội cũ, 1900), nhà Bưu điện (1891), tòa án ,khám lớn (đại học văn khoa, 1900), toà giám mục. Các dinh thự này được Pháp thiết kế và xây dựng. Vườn Bách thảo được lập ra năm 1864, sau đó là nhà thờ Đức bà 1880 ,Thư viện Sài Gòn 1882, chợ Bến Thành 1911...

Đến Năm 1865 chỉ có 577 người Pháp ở Sài Gòn mà 80 là phụ nữ. Năm 1867, việc quản lý Sài Gòn được giao cho Ủy ban thành phố gồm một ủy viên và 12 hội viên; đứng đầu là viên Thị trưởng người Pháp tên là Charles Turc .

Năm 1867, kinh Chợ Vải được đào, từ sông Sài Gòn, gần đầu rạch Cầu Sấu (nay là Hàm Nghi) đến Nhà hát Thành Phố, ra rạch Thị Nghè bằng kinh Coffyn, sau bị lấp thành đường Bonard (đường Lê Lợi) . Trên bờ kinh này có ngôi chợ chuyên bán vải vóc nên có tên là chợ Vải. Năm 1911, chợ này được dời về vị trí mới, chỗ vũng ao đầm vừa được lấp lại, tức là chợ Bến Thành ngày nay được xây dựng vào năm 1911. Trước đó chợ Bến Thành nằm ở mé sông, đầu các con đường lớn, ghe thuyền có thể cập bến, thuận tiện bốc hàng lên chợ. Chung quanh chợ có nhiều cửa hiệu của người Việt, Hoa, Ấn, Pháp.



Bản đồ Sài Gòn 1867

Cho tới năm 1870, thành phố Sài Gòn vẫn nằm trong địa hạt hành chính tỉnh Gia Định. Ngày 15/ 3 /1874 tổng thống Grevy ký sắc lệnh thành lập thành phố Sài Gòn. Thị trưởng đầu tiên của thành phố là G. Vinson. Năm 1879 thì Pháp cho lập thêm Hội đồng thành phố Sài Gòn do Nghị định số 53 ngày 4/4/1867 của Thống đốc Pháp De La Grandière.

Năm 1873, người Pháp mới mở ngôi trường đầu tiên lại là trường Hậu bổ (Collège des Stagiaires) để đào tạo những viên chức trong bộ máy hành chính thuộc địa. Sở Học chính Nam Kỳ chỉ được thành lập vào năm 1879, năm chính quyền Nam Kỳ được chuyển giao cho các thống đốc dân sự, cùng với một chương trình giáo dục Pháp-Việt.

Năm 1884, kinh Coffyn được lấp từ vị trí nay là đường Lê Lợi đến đường Mạc Thị Bưởi, phần còn lại được cần đá hai bên bờ, cách khoảng có xây bậc thang để vận chuyển hàng hóa lên xuống. Đến năm 1892, đoạn còn lại cũng được lấp thành đường phố, gọi là đường Charner, dân gian gọi là đường Kinh Lấp, nay là đường Nguyễn Huệ.

Đô thị phát triển đến đâu thì kinh rạch bị lấp đến đó. Các kinh rạch bị lấp tạo thành những con đường như sau: đường Espagne (đường Lê Thánh Tôn), đại lộ De la Somme (đường Hàm Nghi), rạch Cầu Ông Lãnh trở thành đường Kitchener (xóm Lò Heo, đường Nguyễn Thái Học), rạch Cầu Kho được lấp thành đường Cầu Kho, (đường Phát Diệm).

Nhiều kinh rạch khác cũng được lấp dần do nhu cầu chỗ ở của người dân, như rạch Cầu Muối, rạch Bà Tiềm, rạch Bà Đô (rạch Xóm Chiếu), rạch Cầu Hộc, rạch Xóm Dầu... [6]-

Trong khi đó, con sông Sài Gòn lúc này là tuyến vận tải chính nhưng lại quá cong queo nên vận chuyển rất tốn kém. Vì vậy nên nhà cầm quyền Pháp quyết định cho đào kinh Thanh Đa, "*dài 1 km, rộng 40m, sâu 6m. Đào từ 1897 đến 1898. Kinh này vừa mới được mở ra cho thuyền bè qua lại. Nó cắt vòng thắt từ Bình Lợi đến An Phú và rút ngắn được 12km theo dòng chảy của sông Sài Gòn*".

Trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, Sài Gòn trở thành trung tâm quan trọng, cả về hành chính lẫn kinh tế, văn hóa, giáo dục của Liên bang Đông Dương, được Pháp mệnh danh là *Hòn ngọc Viễn Đông* hay *Paris nhỏ ở Viễn Đông* để cạnh tranh với thực dân Anh gọi thuộc địa Ấn Độ là *hòn ngọc trên vương miện của Nữ hoàng Anh*.

Tuy được mệnh danh là *Hòn ngọc Viễn Đông*, chính quyền thuộc địa Pháp đã tập trung trên một diện tích nhỏ bé khoảng 3 km² để xây dựng thành phố kiểu Pháp gọi là *phố tây* nơi mà kiều dân Pháp sinh sống (Quận 1), phần còn lại của Sài Gòn thì vẫn còn rất hoang sơ, đầm lầy. Dân chúng bỏ nghề nông lên Sài Gòn ngõ hầu cải thiện đời sống và lập ra những khu lao động như xóm Bàn cờ, khu dân sinh, cầu Ông Lãnh... Dù nhiều lần thay đổi lại địa giới mở rộng, nhưng những khu mở rộng này không được Pháp đầu tư nên khá là tạm bợ. Đến năm 1954, những phần Sài Gòn mở rộng này (rộng khoảng 50 km²) vẫn hoang sơ, thậm chí đầm lầy.

Theo Sơn Nam trong "*Bến Nghé xưa*" thì khi chợ Bến Thành hoàn tất năm 1914, "*trước mặt còn là ao vũng sinh lầy. Giữa Sài Gòn và Chợ Lớn phía đất thấp (...), còn ruộng lúa với người cày, ao nuôi vịt, ngọn rạch cạn. Giữa Sài Gòn và ở phần đất cao còn nhiều chòm tre, cây da, mô mả to xen vào những đám rẫy trồng rau cải và bông hoa, những xóm nhà ổ chuột; bầy bò dê đi lang thang ăn cỏ*". Khu Hòa Hưng (Quận 10) cho đến ngã tư Bảy Hiền hiện nay có vô số nghĩa trang, mô mả. Khu Nguyễn Thiện Thuật, Lý Thái Tổ, Nguyễn Đình Chiểu (Quận 3) toàn nhà lá nên đất xây dựng tạm bợ không theo quy hoạch nào. Khu Quận 4, quận 7, khu Cầu Ông Lãnh, Cầu Kho,... sát cạnh chợ Bến Thành đa số là nhà tranh vách lá sơ sài.

Theo học giả Vương Hồng Sển ghi chép thì tên gọi Hòn ngọc Viễn Đông do thực dân Pháp đặt ra để chỉ nơi ăn chơi xa xỉ của họ, và "Nó hoàn toàn không phải là "hòn ngọc" với thợ thuyền người Việt ở xưởng đóng tàu Ba Son, cu li bốc vác ở cảng Sài Gòn, phu xe kéo và đông đảo người dân bản xứ mang trên mình bản án kiếp ô lệ, kẻ mất nước. Để phục vụ cho hòn ngọc ấy, cả một xã hội Sài Gòn trở thành thuộc địa, phải cung phụng cho Pháp mà nhiều địa danh còn được giữ đến tận bây giờ: Xóm Củi, Xóm Than, Xóm Dầu, Xóm Bà Sen (gần đồn Cây Mai), Xóm Giá (làm giá đậu xanh gần cầu Cây Gõ), xóm Lò Bún (gần giếng Hộ Tùng), Xóm Ụ Ghe, Xóm Rẫy Cái, Xóm Cây Cui..[7]

Sau Hiệp định Genève, Sài Gòn trở thành thủ đô Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1955, Thủ tướng Ngô Đình Diệm đổi tên Khu Sài Gòn -Chợ Lớn thành Đô thành Sài Gòn -Chợ Lớn.Đến năm 1956,Tổng thống Ngô Đình Diệm ra sắc lệnh đổi tên Đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn thành Đô Thành Sài Gòn.

Trong thời gian 1954-1960, Việt Nam Cộng Hòa đã đầu tư xây dựng hạ tầng rất nhiều cho Sài Gòn với sự viện trợ của Mỹ. Tuy nhiên phần đông những khu phố đẹp đều do người Pháp xây dựng từ năm 1940.

Tham khảo

[1]-Lê Quý Đôn,Phủ biên tạp lục,Nxb Văn hóa Thông tin-

[2]-Trịnh Hoài Đức,Gia Định thành thông chí,Nguyễn Tạo dịch.Nxb văn hóa, 1972

[3]-Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược

[4]-Sơn Nam, Người Sài gòn,Nxb Trẻ,1994

[5]-Pétru Trương Vĩnh Ký, Souvenirs historiques sur Saïgon et ses environs, Nxb Impr. Coloniale , 1885.

[6]-Vương Hồng Sển,Sài Gòn năm xưa, Nxb Xuân Thu

[7]-Wiki-Hòn ngọc Viễn Đông là gì ?

Nguyễn Hoạt

www.vietnamvanhien.org



An Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 8000 TÁC PHẨM